

**DANH LỤC VÀ Ý NGHĨA BẢO TỒN NGUỒN GEN QUÍ HIẾM
CÁC LOÀI THÚ Ở KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN BÀ NÀ,
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*Lê Vũ Khôi, Đại học Quốc gia Hà Nội
Võ Văn Phú, Trường đại học Khoa học, Đại học Huế
Nguyễn Đình Lâm
Văn phòng UBND huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng*

TÓM TẮT

*Trong bài báo này, chúng tôi giới thiệu danh lục gồm 77 loài thuộc 28 họ, 10 bộ ở khu bảo tồn thiên nhiên Bà Nà, thành phố Đà Nẵng thông qua việc điều tra khu hệ thú ở đó từ 31/3 đến 5/4/2002 và từ tháng 3 đến tháng 7/2007 và kế thừa các kết quả của các nghiên cứu trước đây. Trong 77 loài ghi nhận được ở Bà Nà có 27 loài quý hiếm có giá trị bảo tồn cao, trong đó có 25 loài có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), 21 loài trong Danh lục Đỏ IUCN (2002), 26 loài trong Nghị định 32/NĐ-CP của Chính Phủ và Chà vá chân nâu (*Pygathrix nemaeus nemaeus*) là loài đặc hữu của Việt Nam.*

1. Mở đầu

Khu bảo tồn thiên nhiên Bà Nà, thành phố Đà Nẵng được thành lập theo Quyết định số 3083/QĐ-UB, ngày 10-6-1999 với tổng diện tích tự nhiên là 17.641 ha, trong đó vùng lõi là 8.838 ha, vùng đệm 8.803 ha. Khu bảo tồn thuộc địa giới hành chính 2 xã Hòa Ninh và Hòa Phú, huyện Hòa Vang, có tọa độ địa lý 15⁰55'-16⁰04'20'' vĩ độ Bắc, 107⁰59'25''-108⁰06'30'' kinh độ Đông. Phía Bắc giáp với xã Hòa Bắc và Hòa Liên (huyện Hòa Vang). Nhận thấy Hòa Bắc gồm những khu rừng nguyên sinh nối liền ranh giới phía bắc Khu bảo tồn tới phía nam Bạch Mã. Vì vậy, trong nghiên cứu này đã tiến hành điều tra các loài thú không chỉ trong phạm vi khu bảo tồn mà còn cả địa phận rừng sông Nam và sông Bắc của xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang. Toàn bộ khu vực điều tra được gọi chung là Khu vực Bà Nà.

Khu vực Bà Nà là vùng núi cao, địa hình phức tạp, bị chia cắt mạnh bởi hệ thống sông suối chằng chịt, khe núi hẹp. Ba dãy núi chính: dãy Khe Mang ở phía bắc với đỉnh cao 1.038 m, dãy Cà Nhòng ở phía tây với đỉnh cao 1.112 m và dãy Bà Nà ở phía Nam có ngọn núi Bà Nà cao 1.487 m. Ba sông chính nằm ở 3 phía: phía đông có sông Túy Loan, phía nam có sông Lỗ Đông, sông Vàng phân thủy về phía Tây, phía Bắc có sông Cu Đê với 2 nhánh sông Nam và sông Bắc nằm trong địa phận xã Hoà Bắc.

Bà Nà nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa, có lượng bức xạ dồi dào, nhiều

nắng. Lượng mưa trung bình từ 2.000 - 2.300 mm/năm ở vùng thấp dưới 200 m, 3.200-4.000 mm/năm ở vùng núi cao trên 1.000 m. Do có nhiều đỉnh núi cao và đặc tính khí hậu,... đã tạo cho khu Bà Nà có hệ thực vật và động vật phong phú, đa dạng.

Bà Nà được chú ý như một điểm du lịch, nghỉ mát lý tưởng. Những nghiên cứu điều tra thực vật, động vật tuy đã có nhưng chưa có hệ thống [5], [7].

2. Tư liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Thời gian thực địa

Từ năm 2002 đến 2007, chúng tôi đã tiến hành khảo sát 6 đợt với tổng số 83 ngày điều tra thực địa: Đợt 1 từ 21/3 đến 5/4/2002 (16 ngày), khu vực xã Hòa Ninh; Đợt 2 từ 28/2 đến 15/3/2002 (16 ngày), khu vực xã Hòa Bắc và Hòa Ninh; Đợt 3 từ 20/8 đến 1/9/2002 (13 ngày), khu vực xã Hòa Phú và Hòa Ninh; Đợt 4 từ 2/12 đến 15/12/2002 (14 ngày), khu vực Cồng Trời (vùng lõi) xã Hòa Ninh; Đợt 5 từ 17/3 đến 30/3/2007 (14 ngày), khu vực phía nam Bà Nà; Đợt 6 từ 18/7 đến 28/7/2007 (16 ngày), khu vực xã Hòa Bắc.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Dùng ảnh màu các loài thú để hỏi thợ săn, những người đi rừng và buôn bán động vật để xác định sự có mặt của từng loài thú.

Thu thập và tìm hiểu xuất xứ các da lông, sọ, sừng, đuôi,... còn lưu trong dân; Dùng bẫy lồng và bẫy kẹp bắt thú nhỏ; Dùng lưới mờ chăng nơi quang bắt dơi ban đêm, bắt dơi trong hang.

Nghiên cứu các hoạt động của thú ở các khu rừng bằng cách theo dõi và quan sát các dấu vết của thú để lại ngoài tự nhiên như phân, dấu chân, thức ăn thừa,...

Tham khảo và kế thừa các tài liệu đã và chưa công bố có liên quan [6], [9].

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Danh lục các loài thú ở Bà Nà

Từ kết quả điều tra và những bằng chứng xác thực, chúng tôi đã xây dựng được danh lục các loài thú ở khu vực Bà Nà (*bao gồm khu bảo tồn thiên nhiên Bà Nà và khu vực Hòa Bắc*) thành phố Đà Nẵng gồm 77 loài thuộc 28 họ, 10 bộ (*bảng phụ lục*). Điều đó chứng tỏ khu hệ thú khu vực Bà Nà khá phong phú và đa dạng. Tuy nhiên, thời gian khảo sát chưa nhiều nên chưa thể phát hiện được tất cả các loài thú trong khu vực, nhất là những loài thú nhỏ ít được nhân dân địa phương chú ý khai thác. Chắc chắn còn nhiều loài trong bộ Dơi (*Chiroptera*), bộ Gặm nhấm (*Rodentia*), bộ Ăn thịt (*Carnivora*),... còn chưa được thống kê.

Tuy nhiên, so với Danh lục thú trong Dự án Khu bảo tồn thiên nhiên Bà Nà thành phố Đà Nẵng (1997), một số loài không được xác định trong nghiên cứu này như Nhen

(*Dendrogale murina*), Dơi ngựa nâu (*Rousettus leschenaulti*), Dơi bao đuôi đen (*Taphozous theobaldi*), Cu li nhỏ (*Nycticebus pygmacus*), Thỏ rừng (*Lepus nigricollis*), Sóc bay lớn (*Petaurista petaurista*), Sóc bay đen trắng (*Hylopetes alboniger*), Hươu vàng (*Axis porcinus*), Mang lớn (*Megamuntiacus vuquangensis*) (hai loài này chắc chắn không thể có mặt ở khu vực này), Gấu chó (*Ursus malayanus*),... Một số loài thú khác lại được phát hiện và xác định ở Khu vực Bà Nà: Chuột hươu lớn (*Rattus (Leopoldamys) edwardsi*), Chuột mốc lớn (*Rattus (Berylmys) bowarsi*), Chuột hươu bé (*R. (Niviventer) fulvescens*) Chuột chù đuôi đen (*Crocidura attenuata*), Dơi lá pecxôn (*Rhinolophus pearsoni*),... Hy vọng trong thời gian tới sẽ thống kê được đầy đủ số loài thú với những chứng cứ xác thực và sẽ có những đánh giá tính đa dạng, phong phú của khu hệ thú khu vực Bà Nà chính xác hơn.

3.2. Giá trị bảo tồn nguồn gen

Trong số 77 loài thú đã ghi nhận được ở khu vực Bà Nà có 27 loài thuộc diện quý hiếm cần được ưu tiên bảo tồn, chiếm 35,1% tổng số loài ghi nhận được (bảng phụ lục).

- Số loài ghi trong Sách Đỏ Việt Nam (2007) là 25 (32,47%), gồm 2 loài rất nguy cấp (CR): Báo hoa mai và Hồ Đông dương. Hai loài này hơn chục năm trước đây vẫn còn xuất hiện ở khu vực này, đặc biệt là ở khu vực địa phân xã Hòa Bắc, nay không còn; 12 loài Nguy cấp (EN), 9 loài Sẽ nguy cấp (VU); 2 loài Ít nguy cấp/Sắp bị đe dọa. Trên thực tế ở khu vực Bà Nà, một số loài trong số này đã lâu không nhận được thông tin: Gấu chó, Cầy mực, Nai.

- Số loài có tên trong Danh lục Đỏ IUCN (2008) 21 loài (27,27%), gồm 4 loài Nguy cấp (*Sói đỏ, Báo hoa mai, Hồ Đông dương và Chà vá chân nâu*); 7 loài Sẽ nguy cấp, 3 loài ít nguy cấp/Sắp bị đe dọa (LR/nt); 6 loài Ít nguy cấp/Ít lo ngại (LR/lc); và 1 loài Thiếu dẫn liệu (DD).

- Số loài ghi trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ là 26 (33,77%), trong đó ở mức “Nghiêm cấm khai thác và sử dụng” (IB) là 17 loài và ở mức “Sử dụng khai thác hạn chế và có kiểm soát” (IIB) là 9 loài.

- Trong số các loài quý hiếm có Chà vá chân nâu (*Pygathrix nemaeus*) là loài đặc hữu của Việt Nam hiện có quần thể lớn phân bố ở Khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà thành phố Đà Nẵng còn ở khu vực Bà Nà do khai thác rừng nên số lượng Chà vá ở đây tuy vẫn còn nhưng với số lượng không nhiều. Nhiều loài đã được đưa vào Sách đỏ Việt Nam và cả một số loài có giá trị kinh tế đến nay đã mất trong khu vực Bà Nà: Hồ Đông dương (*Panthera tigris coberti*), Báo Hoa mai (*Panthera pardus*), Nai (*Cervus unicolor*), Gấu chó (*Ursus malayanus*), Sói lửa (*Cuon alpinis*); hoặc đang hiếm dần: Gấu ngựa (*Ursus thibetanus*), Beo lửa (*Felis temmincki*), Khỉ vàng (*Macaca mulatta*), Hoẵng (*Muntiacus muntjak*), Thỏ nâu (*Lepus nigricollis*), Cheo cheo (*Tragulus javanicus*), và nhiều loài cầy,... Nguyên nhân của sự giảm sút số lượng các loài thú ở khu vực Bà Nà là

do sự đánh bắt thú bằng bẫy và săn bắn trộm. Có thể gặp hàng trăm bẫy thòng lọng và bẫy sập đá đặt trên sườn một núi để bắt thú nhỡ.

4. Kết luận

4.1. Thành phần loài thú ở khu vực Bà Nà (Khu bảo tồn thiên nhiên Bà Nà và khu rừng xã Hoà Bắc) đa dạng, gồm 77 loài thuộc 28 họ, 10 bộ.

4.2. Có 27 loài, chiếm gần 35,1% tổng số loài thú đã ghi nhận được trong khu vực Bà Nà là những loài cần được ưu tiên bảo tồn. Trong đó có 25 loài (32,4%) là những loài thú quý hiếm có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (2007); 21 loài (27,27%) có tên trong Danh lục Đỏ (2008) của IUCN; 26 loài (33,77%) ghi trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP; nhiều loài hiện tại không còn có mặt, hoặc ít gặp ở khu vực Bà Nà.

4.3. Rừng Bà Nà ở khu vực thấp và khu rừng Hòa Bắc đã và đang bị tác động mạnh. Săn bắt trộm thú đã làm giảm sút thành phần loài và số lượng loài thú ở khu vực Bà Nà.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Đinh Thị Phương Anh, Đặng Quốc Hoà, Nguyễn Tấn Lê, Nguyễn Thị Đào, *Nghiên cứu đa dạng sinh học Khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà thành phố Đà Nẵng*, Tập san khoa học Đại học Đà Nẵng, số 5, 11-1998.
- [2]. Đinh Thị Phương Anh, Huỳnh Ngọc Tạo, *Khu hệ thú (Mammalia) ở bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng)*, Tạp chí Sinh học, Hà Nội, tập 22, số 1B, (2000), 113-116.
- [3]. Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, *Sách Đỏ Việt Nam. Phần I - Động vật*, Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, 2007.
- [4]. IUCN, *2008 IUCN Redlist of Threatened Species*, 2008, URL: <http://redlist.org>
- [5]. Ghazoul J., Lê Mộng Chân, *Nghiên cứu đánh giá tính đa dạng và phong phú ở khu rừng Bà Nà* (bản thảo đánh máy), 1994.
- [6]. Đặng Huy Huỳnh, Đào Văn Tiến, Cao Văn Sung, Phạm Trọng Ảnh, Hoàng Minh Khiên, *Danh lục các loài thú (Mammalia) Việt Nam*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 1994.
- [7]. Lê Vũ Khôi, *Đa dạng sinh học động vật có xương sống trên cạn ở Bà Nà (Quảng Nam - Đà Nẵng)*, Tạp chí Sinh học, Hà Nội, tập 22, số 1B, (2000), 154-163.
- [8]. Van Peenen P.F.D., Ryan P.F., Light R.H., *Preliminary identification manual for Mammals of South Vietnam*, US National Museum Smith. Ins. City of Washington, 1969.
- [9]. Van Peenem P.F.D., Ryan P.F., Light R.H., *Observation on Mammals of M. Sơn Trà of South Vietnam*, Mammalia: 126-134, 1971.
- [10]. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, 10/1997, *Dự án Khu BTTN Bà Nà - Núi Chúa*.

SPECIES LIST OF MAMMALS IN BA NA NATURE RESERVE OF DA NANG CITY AND THE SIGNIFICANCE OF THEIR RARE GENE CONSERVATION

Le Vu Khoi, Hanoi National University

Vo Van Phu, College of Sciences, Hue University

Nguyen Dinh Lam, Hoa Vang District, Da Nang city

SUMMARY

This paper presents a list of 77 mammal species belonging to 28 families and 10 orders in Ba Na nature reserve of Da Nang city, basing on our surveys of mammals from 3 March to 5/4/2002 and from March to July 2007.

*Out of 77 species recorded, 27 rare species are of high conservation concern, including 25 species in Red Data Book of Vietnam (2007), 21 species in IUCN Red list (2008), 26 species in Governmental Decree 32/2006/NDD-CP and Red-shanked douc langur (*Pygathrix nemaeus nemaeus*) endemic to Vietnam.*

These also include large mammals. Today some of them such as tiger, leopard, Samber are not in existence in Ba Na area.

Bảng phụ lục. Danh lục các loài thú ghi nhận được ở khu vực Bà Nà, thành phố Đà Nẵng.

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Nguồn tư liệu			Tình trạng bảo tồn		
			QS	ĐT	M	VN	TG	ND
	1. INSECTIVORA BOWDICH, 1821	BỘ ĂN SÂU BỘ						
	1. Soricidae Fischer Von Waldheim, 1817	Họ Chuột chù						
1	<i>Crocidula attenuata</i> Milne-Edwards, 1872	Chuột chù đuôi đen			+			
2	<i>Suncus murinus</i> Linnæus, 1766	Chuột chù thường	+					
	II. SCANDENTA CAMPBELL, 1974	BỘ NHIỀU RĂNG						
	2. Tupaidae Mivart, 1868	Họ Đồi						
3	<i>Tupaia glis</i> (Diard, 1920)	Đồi	+					
4	<i>Dendrogale murina</i> (Schlegel et Muller, 1845)	Nhen		1				
	III. DERMOPTERA ILLIGER, 1811	BỘ CÁNH DA						

	3. Cynocephalidae Sympon, 1945	Họ Chồn bay						
5	<i>Cynocephalus variegatus</i> (Audebert, 1799)	Chồn bay			+	EN		IB
	IV. CHIROPTEA BLUMENBACH, 1799	BỘ ĐOI						
	4. Pteropodidae Gray, 1821	Họ doi quả						
6	<i>Cynopterus sphinx</i> (Valh, 1971)	Đoi chó ẩn			+			
7	<i>Cynopterus brachyotis</i> (Miiller, 1838)	Đoi chó tai ngắn			+			
8	<i>Macroglossus sobrinus</i> Andersen, 1911	Đoi mật hoa lớn			+			
9	<i>Rousettu leschenaulti</i> (Desmarest, 1820)	Đoi ngựa nâu		1				
	5. Emballonuridae Dobson, 1876							
10	<i>Taphozous theobaldi</i> Dobson, 1872	Đoi bao đuôi đen		1				
	6. Rhinolophidae Gray, 1825	Họ Đoi lá mũi						
11	<i>Rhinolophus marshalli</i> Thonglogya, 1973	Đoi lá rê quạt			+			
12	<i>Rhinolophus pearsonii</i> Horsfild, 1851	Đoi lá pec xôn			+			
13	<i>Rhinolophus macrotis</i> Blyth, 1844	Đoi lá tai dài			+			
14	<i>Rhinolophus affinis</i> Horsfield, 1823	Đoi lá đuôi			+			
15	<i>Rhinolophus steno</i> K.Andersen, 1905	Đoi lá nam á			+			
	7. Hipposideridae Lydekker, 1891	Họ Đoi nếp mũi						
16	<i>Hipposideros pomona</i> K.Andersen, 1918	Đoi nếp mũi xinh			+			
17	<i>Hipposideros larvatus</i> (Horsfield, 1823)	Đoi mũi xám			+			
18	<i>Hipposideros armiger</i> (Hodgson, 1835)	Đoi mũi quạ			+			
19	<i>Hipposideros bicolor</i> (Temmi8nck, 1834)	Đoi mũi xinh			+			
	8. Vespertilionidae Gray, 1821	Họ Đoi muỗi						

20	<i>Myotis ater</i> (Peters, 1866)	Đơi tai Nam á			+			
21	<i>Myotis horsfieldi</i> (Temminck, 1940)	Đơi tai cánh ngắn			+			
22	<i>Pipistrellus coromandra</i> (Gray, 1838)	Đơi muỗi nâu			+			
23	<i>Murina leucogaster</i> Minle - Ewardsi, 1972	Đơi mũi ống lớn			+			
24	<i>Murina cyclotis</i> Dobson, 1872	Đơi mũi ống tròn			+			
	V. PRIMATES LINNAEUS 1758	BỘ LINH TRƯỞNG						
	9. Loridae Gray, 1821	Họ Cu li						
25	<i>Nycticebus bengalensis</i> (Lacepede, 1800)	Cu li lớn	+	+		VU	LRnt	IB
26	<i>Nycticebus pygmaeus</i> (Bonhote, 1907)	Cu li nhỏ		1		VU	VU	IB
	10. Cercopithecidae Gray, 1821	Họ Khỉ - voọc						
27	<i>Macaca mulatta</i> (Zimermann, 1780)	Khỉ vàng	+			LRnt	LRnt	IIB
28	<i>Macaca arctoides</i> (G eofroy, 1831)	Khỉ mặt đỏ		+		VU	VU	IIB
29	<i>Macaca leonina</i> (Blyth, 1863)	Khỉ đuôi lợn		+		VU	VU	IIB
30	<i>Macaca fascicularis</i> (Wroughton, 1815)	Khỉ đuôi dài	+			LRnt		IIB
31	<i>Pygathrix nemaeus nemaeus</i> (Linnaeus, 1771)	Chà vá chân nâu	+			EN	EN	IB
	11. Hylobatidae Weber, 1821	Họ Vượn						
32	<i>Nomascus concolor</i> (Harlan, 1826)	Vượn đen	+2			EN	VU	IB
	VI. CARNIVORA BOWDICH, 1821	BỘ ĂN THỊT						
	12. Canidae Gray, 1821	Họ chó						
33	<i>Cuon alpinis</i> (Pallas 1811)	Sói đỏ		+		EN	EN	IB
	13. Ursidae Gray, 1825	Họ Gấu						
34	<i>Ursus thibetanus</i> (G. Cuv ier, 1823)	Gấu ngựa	+3	+		EN	VU	IB
35	<i>Ursus malayanus</i> Raffles, 1821	Gấu chó		1		EN	DD	IB
	14. Mustelidae Swainson, 1835	Họ Chồn						
36	<i>Arctonyx collaris</i> (F.Cuv ier, 1825)	Lửng lợn		+				

37	<i>Lutra lutra</i> (Linnaeus, 1758)	Rái cá thường		+		VU	VU	IB
38	<i>Martes flavigula</i> (Boddaert, 1785)	Chồn vàng		+				
39	<i>Mustela strigidorsa</i> (Gray, 1853)	Triết chi lung	+	+				
40	<i>Melaglae personata</i> I.Geoffroy, 1831	Chồn bạc má nam	+	+				
	15. Viverridae Gray, 1821	Họ Cây						
41	<i>Arctictis binturong</i> (Raffles, 1821)	Cây mực		+		EN		IB
42	<i>Viverra zibetha</i> Linnaeus, 1758	Cây giông		+				
43	<i>Viverra megaspila</i> (Blyth, 1862)	Cây giông sọc		+		VU		IB
44	<i>Viverricula indica</i> (Desmarest, 1817)	Cây hương		+				
45	<i>Paguma larvata</i> (H. Smith, 18227)	Cây vòi mốc		+				
46	<i>Paradoxurus hermaphroditus</i> (Pallas, 1777)	Cây vòi đốm		+				
	16. Herpestidae Gill, 1872	Họ Cây lôn						
47	<i>Herpectes javanicus</i> (Geoffroy, 1818)	Cây lôn		+				
48	<i>Herpectes urva</i> (Hogdson, 1936)	Cây móc cua	+	+				
	17. Felidae Gray, 1821	Họ Mèo						
49	<i>Catopuma temminckii</i> Vigor et Hosfield, 1827	Báo lửa, beo		+	+	EN	LRnt	IB
50	<i>Prionailurus bengalensis</i> (Kerr, 1792)	Mèo rừng	+	+				
51	<i>Panthera pardus</i> (Linnaeus, 1758)	Báo hoa mai		+		CR	EN	IB
52	<i>Panthera tigris corbetti</i> Mazak, 1968	Hồ đông dương		+		CR	EN	IB
	VII. ARTIODACTYL OWEN, 1848	BỘ GUỐC CHẮN						
	18. Suidae Gray, 1821	Họ Lợn						
53	<i>Sus scrofa</i> Linnaeus, 1758	Lợn rừng			+			
	19. Cervidae Gray, 1821	Họ Hươu nai						
54	<i>Cervus unicolor</i> Kerr, 1792	Nai		+		VU		IIB
55	<i>Mintiacus muntjak</i> (Zimmermann, 1780)	Hoẵng		+	+			
	20. Tragulidae Milne-Edwards,	Họ Cheo cheo						

	1864							
56	<i>Tragulus javanicus</i> (Osbeck, 1765)	Cheo cheo gia va		+	+	VU		IIB
	21. Bovidae Gray, 1821	Họ Trâu bò						
57	<i>Naemorhedus sumatraensis</i> (Bechstein, 1799)	Sơn dương		+	+	EN	VU	IB
	VIII. PHOLIDOTA WEBE, 1904	BỘ TÊ TÊ						
	22. Manidae Gray, 1821	Họ Tê tê						
58	<i>Manis pentadactyla</i> Linnaeus, 1758	Tê tê vàng		+		EN	LRlc	IB
	IX. RODENTIA BOWDIC, 1821	BỘ GÃM NHẮM						
	23. Pteromyidae Brandt, 1855	Họ Sóc bay						
59	<i>Petaurista petaurista</i> (Pallas, 1776)	Sóc bay trâu		1		VU	LRlc	IIB
60	<i>Hylopetes alboniger</i> (Hodgson, 1836)	Sóc bay đen trắng		1		VU	LRlc	IIB
	24. Sciuridae Gray, 1821	Họ Sóc cây						
61	<i>Callosciurus flavimanus</i> (Geoffroy, 1831)	Sóc chân vàng	+		+			
62	<i>Dremomys rufigenis</i> (blanford, 1878)	Sóc mõm hung	+					
63	<i>Dremomys rufigenis</i> (Blanford, 1878)	Sóc má đào	+					
64	<i>Menetes berdmorei</i> (Blyth, 1849)	Sóc vằn lưng	+					
65	<i>Tamiops rodolphei</i> (Milne-Edwards, 1867)	Sóc chuột lửa	+					
66	<i>Tamiops swinhoei</i> (Milne-Edwards, 1874)	Sóc chuột lớn	+					
67	<i>Ratufa bicolor</i> (Sparman, 1778)	Sóc đen	+	+		VU	LRlc	IIB
	25. Rhizomyidae Miller at Gidley, 1819	Họ Dúi						
68	<i>Rhizomys pruinosus</i> Blyth, 1851	Dúi mốc lớn		+				
	26. Hystricidae Fischer, 1817	Họ Nhím						
69	<i>Hystrix brachyura</i> (Linnaeus, 1758)	Nhím đuôi ngắn			+		LRlc	
70	<i>Atherurus macrourus</i> (Linnaeus, 1758)	Đon		+			LRlc	
	27. Muridae Illiger, 1811	Họ Chuột						

71	<i>Mus musculus</i> Linnaeus, 1758	Chuột nhắt nhà	+					
72	<i>Rattus exulans</i> (Peale, 1848)	Chuột lắt	+					
73	<i>R. (Berylmys) bowersi</i> (Anderson, 1879)	Chuột mốc lớn			+			
74	<i>R. (Niviventer) fulvescens</i> (Gray, 1847)	Chuột hươu bé			+			
75	<i>R. (Leopoldamys) edwardsi</i> (Thomas, 1882)	Chuột hươu lớn			+			
76	<i>Rattus koratonsis</i> Kloss, 1919	Chuột rừng			+			
	X. LAGOMORPHA BRANDT, 1855	BỘ THỎ						
	28. Leporidae Gray, 1821	Họ Thỏ						
77	<i>Lepus nigricollis</i> Cuvier, 1823	Thỏ nâu		1				

Ghi chú: Nguồn tư liệu: QS - Quan sát; ĐT - Điều tra; M - Mẫu, 1. theo tài liệu “*Dự án Khu bảo tồn thiên nhiên Bà Nà - Núi Chúa*” của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, 10/1997; +2 Nghe tiếng hót; +3 Dấu vết cào cao trên cây.

Tình trạng bảo tồn: VN - Sách đỏ Việt Nam (2007); TG - Danh lục Đỏ IUCN, Thế giới (2008); CR: Rất nguy cấp; EN: Nguy cấp; VN: Sẽ nguy cấp; LR/nt: Ít nguy cấp, Sắp bị đe dọa; LR/lc: Ít nguy cấp, ít lo ngại; DD: Thiếu dẫn liệu; NĐ - Nghị định 32/2006/NĐCP.; IB: Nghiêm cấm khai thác sử dụng vì mục đích thương mại; IIB: Hạn chế khai thác và sử dụng vì mục đích thương mại.